**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM***

***Independence – Freedom - Happiness***

🙡★🙣

**HỢP ĐỒNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ DỊCH VỤ KHUYẾN MẠI**

***CONTRACT ON PROMOTION SERVICE MANAGEMENT SOFTWARE***

(Số: …/HĐKT/BYTECH-NISSAN/2019)

*(No:* …/HĐKT/BYTECH-NISSAN/2019*)*

*Hợp đồng sản xuất phần mềm website (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) được lập và ký kết ngày ..... tháng ..... năm 2019 giữa các bên gồm:*

*Contract of website software production (hereinafter referred to as “Contract”) is made and signed on ……………….. by and between:*

1. **CÔNG TY TNHH NISSAN VIỆT NAM (NVL)**

***NISSAN VIETNAM LIMITED COMPANY (NVL)***

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà PVI Tower, Số 01 phố Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

*Adress : 3rd floor, PVI Tower, 01 Pham Van Bach Street, Yen Hoa ward, Cau Giay Distr, Ha Noi*

Điện thoại /Tel : +84 24 73011333

Fax : +84 24 32006552

MST/Tax code : 0103008177

Người đại diện : Ông **Khoo Cheng Pah**

*Represented by : Mr.* ***Khoo Cheng Pah***

Chức vụ : Tổng Giám Đốc

*Title : General Director*

(sau đây gọi tắt là **“Bên A”**)

*(Hereinafter referred to as* ***“Party A”****)*

1. **CÔNG TY CỔ PHẦN BY TECH VIỆT NAM**

***BY TECH VIETNAM JOIN STOCK COMPANY***

Địa chỉ : Nhà C7, lô 3 khu nhà chính sách, phố Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

*Adress : C7, LOT 3, NGHIA TAN STREET, NGHIA TAN WARD, CAU GIAY DISTRICT, HANOI CITY, VIETNAM*

Người đại diện : Ông Nguyễn Bá Biền.

*Represented by : Mr. Nguyễn Bá Biền*

Chức vụ : Giám Đốc

*Title : Director*

Điện thoại/Tel :

Số tài khoản : 0021000494844

*Account Number : 0021000494844*

Mở tại : Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam

*At : Bank for Foreign trade of Vietnam*

Mã số thuế/Tax code: 0108494844

(sau đây gọi tắt là **“Bên B”**)

*(Hereinafter referred to as* ***“Party B”****)*

Hai bên thống nhất ký kết thoả thuận với các điều khoản sau đây:

*We mutually agree to sign this contract with the following terms and conditions:*

**ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

***ARTICLE 1: SCOPE BY THE CONTRACT***

Bên A đồng ý cho Bên B thực hiện sản xuất phần mềm Website với các hạng mục như trong phụ lục 01 kèm theo hợp đồng này.

*Party A hereby agrees that Party B provides Website software production for Party A, follow the details in Annex 01 of the Contract.*

**ĐIỀU 2: Phí dịch vụ và phương thức thanh toán**

***ARTICLE 2: SERVICE PRICE AND PAYMENT METHOD***

* 1. Tổng giá trị hợp đồng là **50.000.000 VND** (*Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn/.*).

*The total Contract Value is* ***50.000.000* *VND*** *(In words: Fifty million Vietnamdong./.).*

* 1. Phương thức thanh toán:

*Payment method:*

* Bên A thanh toán cho bên B 75% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền **37,500,000** VNĐ *(bằng chữ : ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng chẵn)* trong vòng 10 ngày từ khi kí kết hợp đồng.

*Party A pay 75% contract value corresponding to amount of* ***37,500,000*** *VNĐ* *(in words : thirdty million and five hundred VND) within 10 working days after signing contract.*

* Bên A thanh toán 25% giá trị hợp đồng trong vòng 10 ngày từ khi bên B hoàn thiện phần mềm, chuyển giao, đào tạo cho bên A và 2 bên kí biên bản nghiệm thu phần mềm.

*Party A pay 25% contract value corresponding to amount of* ***12,500,000*** VNĐ *(in words : twelve million and five hundred VND) within 10 working days after Party B completing website software, training for Party A about using, operating and both Parties sign Minutes of Acceptance .*

* 1. Bên A sẽ thanh toán bằng chuyển khoản. Khoản phí dịch vụ nêu tại khoản 2.1 trên đây không bao gồm các khoản chi phí phát sinh (nếu có) do: các yêu cầu của Bên A về việc thay đổi hoặc bổ sung ngoài các hạng mục công việc được quy định tại các Phụ lục. Trường hợp phát sinh các thay đổi, các yêu cầu bổ sung nêu trên, các Bên sẽ thỏa thuận về thời gian thực hiện và mức phí dịch vụ cho các công việc thay đổi, bổ sung này bằng văn bản được ký bởi đại diện có thẩm quyền của mỗi bên.

*Party A will pay by transfer. The above Contract Value (in Item 2.1) does not include additional charges (if any) resulted by: Party A requires to change work details as prescribed in Annexes and/or request for adding more module(s). In this case, both Party shall discuss about the time and service fee for the changed and/or additional work. All additional changes are required to put in written documents signed by both Parties’ authorized representatives.*

* 1. Tổng giá trị hợp đồng khi thanh quyết toán sẽ dựa trên khối lượng công việc thực tế được Bên B thực hiện và được nghiệm thu bằng văn bản ký bởi đại diện đủ thẩm quyền của hai bên. Bên A sẽ tiến hành thanh toán theo đúng những nội dung công việc đã hoàn thành được ghi nhận trong Biên bản nghiệm thu hợp đồng đó.

*Total settlement value will be based on the actual workload done by Party B and accepted by both Parties in writing by fully competent representatives of the two parties. Party A will pay according to the contents of the completed work recorded in such Minutes of Acceptance.*

**ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B**

***ARTICLE 3:* RIGHT AND OBLIGATION OF PARTY B**

3.1 Bên B cam kết và đảm bảo rằng mình có đủ năng lực, phương tiện thích hợp và các giấy phép cần thiết để cung ứng dịch vụ theo quy định của Hợp Đồng này cũng như đảm bảo tuân thủ pháp luật Việt Nam.

*Party B commits and ensures to have adequate capacity, appropriate means and necessary licenses to provide services in accordance with the provisions of this Contract as well as to ensure compliance with Vietnamese laws.*

3.2 Bên B có trách nhiệm hoàn thành toàn bộ các công việc theo thời hạn cam kết được quy định cụ thể trong các Phụ lục của Hợp đồng này. Nếu quá thời hạn trên mà bên B vẫn chưa hoàn thành hoặc hoàn thành không đúng, không đầy đủ các công việc được quy định trong Phụ lục của Hợp đồng này, bên B sẽ chịu phạt theo Điều 5 của Hợp đồng này và bồi thường thiệt hại cho Bên A.

*Party B has responsibility for completing all the work specified in the Annexes of this Contract.* *The period starts from the Contract signing date and within 45 working days (excluding Saturday, Sunday and National Holiday). If such period has been over but Party B has not completed or completed improperly or incompletely the works specified in the Annexes of this contract, Party B shall be fined under Article 5 of this contract and shall indemnify for actual damages of Party A.*

3.3 Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A tình trạng và biện pháp khắc phục dự kiến trong trường hợp thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện không đảm bảo để hoàn thành việc cung ứng dịch vụ, và phải tùy theo sự đồng ý của bên A về việc thực hiện các biện pháp khắc phục đó.

*Party B shall immediately notify Party A together with proposed remedies in the case of lacking information, incomplete documentation and unguaranted means to complete the provision of services and shall be subject to Party A’s consent for implementing such remedies.*

3.4 Cung cấp cho bên A bộ chứng từ thanh toán, hóa đơn hợp lệ sau khi bên B hoàn thành công việc để tiến hành thanh lý, nghiệm thu hợp đồng.

*Provide Party A with all valid payment documents, VAT Invoice after Pary B completes works to liquidate and accept the contract.*

3.5 Bên B có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ Bên A sử dụng website sau khi xây dựng xong, đảm bảo tính bảo mật cho người phụ trách quản trị mạng của Bên A.

*Party B has responsibility for guiding, supporting party A to use the website after production, ensuring confidentiality for Party A's network administrator*

3.6 Bên B có trách nhiệm bảo trì cho Website của Bên A trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày ký vào Biên bản nghiệm thu website cho Bên A.

*Party B has responsibility for providing maintaince to Party A’s website within three (3) months from the date of signing on Minutes of Acceptance of the website with Party A.*

**ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A**

***ARTICLE 4: RIGHT AND OBLIGATION OF PARTY A***

4.1 Bên A đảm bảo sản phẩm của mình có đủ các giấy tờ pháp lý để cung cấp dịch vụ, sản phẩm và truyền thông quảng cáo theo quy định của nhà nước.

*Party A is entitled to ensure that their products meet all the legal papers for providing services and products, and media advertising as prescribed by the State.*

4.2 Cung cấp cho Bên B các tài liệu, thông tin và các phương tiện cần thiết và đưa ra các hỗ trợ cần thiết khác để thực hiện các dịch vụ theo quy định của Hợp Đồng này.

*To provide Party B with necessary materials, information and tools and other support in implementing the services under the provisions of the Contract.*

4.3 Thanh toán cho Bên B đầy đủ và đúng phương thức theo quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng này.

*To fully settle payments to Party B in accordance with Article 2 of the Contract;*

4.4 Chịu trách nhiệm ký vào tất cả các Biên bản thử nghiệm và Biên bản nghiệm thu các công việc trong vòng 03 ngày làm việc sau khi Bên B thực hiện xong công việc cho Bên A đáp ứng yêu cầu theo thỏa thuận.

*Responsible for signing on all the testing records and Minutes of Acceptance within 03 working days after the work completion of Party B for Party A that satisfied all agreed requirements.*

**ĐIỀU 5: BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM**

***ARTICLE 5: LIABILITIES AND COMPENSATION***

5.1. Các bên cam kết thực hiện đúng các quy định trong Hợp Đồng này, nếu một trong các bên vi phạm bất kỳ một quy định nào của Hợp Đồng này thì Bên bị vi phạm có quyền yêu cầu Bên vi phạm phải thực hiện đúng các yêu cầu của Hợp Đồng và/hoặc tùy theo quyết định của mình gia hạn thêm một khoảng thời gian hợp lý để Bên vi phạm khắc phục hành vi vi phạm đó hoặc hoặc đơn phương chấm dứt theo Điều 7 của Hợp Đồng này.

*Both Parties are responsible for following the articles in the Contract, if one of the parties violates any article in this contract, the other party has the right to require the other to continue performing the works follow the articles in this contract and/or upon such party’s decision extend a reasonable period for the defaulting party to remedy its violation or terminate the contract unilaterally follow the details in article 7 in this contract.*

5.2. Trong trường hợp bàn giao chậm sản phẩm: Trường hợp do lỗi của Bên B, Bên B bàn giao và/hoặc hoàn thành sản phẩm chậm hơn so với thời hạn đã được thỏa thuận tại Điều 3.2 trên đây, Bên A có quyền hủy bỏ Hợp đồng, yêu cầu Bên B trả tiền phạt vi phạm bằng 8% giá trị Hợp đồng, hoàn trả toàn bộ số tiền đã nhận từ Bên A và bồi thường cho Bên A các thiệt hại thực tế (nếu có) gây ra do việc bàn giao sản phẩm chậm đó.

*In case of late delivery of the product: In case Party B delays to deliver the product beyond the period agreed in Article 3.2 above, Party A has right to cancel the contract and to require Party B to pay a penalty equal to 8% of Contract value, reimburse the amount having been paid by Party A as well as compensate for actual damages (if any) resulting from such delivery delay.*

5.3Trong trường hợp Bên B không thể hoàn thành dịch vụ theo quyết định của Bên A, Bên A có quyền hủy bỏ Hợp đồng, yêu cầu Bên B trả tiền phạt vi phạm bằng 8% giá trị Hợp đồng, hoàn trả toàn bộ số tiền đã nhận từ Bên A và bồi thường cho Bên A các thiệt hại thực tế (nếu có) gây ra do việc không thể hoàn thành dịch vụ theo hợp đồng này.

*In case Party B fails to complete the Works upon Party A’s decision, Party A has right to cancel the contract and to require Party A to pay a penalty equal to 8% of Contract value, reimburse the amount having been paid by Party A as well as compensate for actual damages (if any) resulting from such completion failure.*

5.4 Trong các trường hợp nêu tại Điều 5.2 và 5.3 trên đây, các bên đồng ý rằng nếu không thể xác định được số tiền bồi thường thiệt hại, thì số tiền bồi thường này tối thiểu bằng 10% giá trị Hợp đồng.

In cases mentioned in Item 5.2 and 5.3 above, the parties agree that if the amount of damage compensation is impossible to be determined, such amount shall be at the minimum of 10% of Contract value.

**ĐIỀU 6: QUYỀN SỬ DỤNG VÀ BẢO MẬT**

***ARTICLE 6:* RIGHT TO USE AND CONFIDENTIALITY**

6.1 Các bên có trách nhiệm phải giữ bí mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ phía bên kia trong suốt thời hạn Hợp đồng và trong vòng ba (03) năm sau khi hết hạn của Hợp Đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bí mật của thông tin này.

*The parties are responsible for keeping confidential all information they receive from the other party during the Contract term and within three (03) years after the expiration of this Contract and shall take all necessary methods to maintain the confidentiality of such information.*

6.2 Mỗi bên không được tiết lộ cho bất cứ bên thứ ba nào bất kỳ thông tin nói trên mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia và phải tiến hành mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng không một nhân viên nào hay bất cứ ai thuộc sự quản lý của mình sẽ làm điều đó. Trường hợp vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm theo các quy định pháp luật có liên quan.

*Each party is prohibited to disclose to any third party any such information without the prior written consent of the other party and to take all necessary methods to ensure that no employee or anyone under his/her management will do it.*  *In case of violation, the Defaulting Party will be held responsible in accordance with relevant applicable laws and regulations.*

**ĐIỀU 7: SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

***ARTICLE 7: ADMENDMENT AND TERMINATION***

7.1 Hợp Đồng này và các phụ lục của Hợp Đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung theo thoả thuận bằng văn bản được ký bởi đại diện có thẩm quyền của các bên.

*This Contract and the annexes (if any) of this Contract may be supplemented, amended in writing signed by authorized representatives of both parties.*

7.2 Hợp Đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

*This Contract shall be terminated in the following cases:*

1. Các bên đã hoàn thành mọi nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng;

*Both Parties have already fulfilled all their obligations under this Contract;*

b) Cả hai bên đồng ý chấm dứt Hợp Đồng này; trong trường hợp đó hai bên sẽ thoả thuận bằng văn bản về các điều kiện cụ thể liên quan tới việc chấm dứt Hợp Đồng; hoặc

*If both parties agree to terminate this Contract; the two parties will agree on the specific conditions related to termination of the Contract in writing; or*

1. Một trong hai bên bị thanh lý, giải thể hoặc đình chỉ hoạt động, trong trường hợp này Hợp Đồng sẽ kết thúc bằng cách thức do hai bên thoả thuận và/hoặc phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

*If either party is liquidated, dissoluted or suspended of operation, the Contract will be terminated in the manner as mutually agreed upon and / or in accordance with the provisions of the applicable laws and regulations.*

7.3 Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng:

*Unilateral termination of the contract:*

1. Một bên có quyền đơn phương chấp dứt Hợp Đồng nếu chứng minh được bên kia không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định trong Hợp Đồng mà không có bất kỳ sửa chữa, khắc phục nào hoặc đã có sửa chữa nhưng không đạt kết quả theo yêu cầu của bên kia trong thời hạn hợp lý mà bên kia đưa ra hoặc trong 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của bên bị vi phạm.

*A party may unilaterally terminate the Contract if proving that the other party has not performed or incorrectly performed the provisions of the Contract without any repairment, correction or has repaired but failing to achieve the requested results of the other party within a reasonable period of time given by the other party or within 15 days of receiving notice from the aggrieved party.*

1. Nếu Hợp Đồng bị đơn phương chấm dứt bởi một trong các bên phù hợp với điểm a nói trên và các điều khoản khác trong Hợp đồng này, thì ngoài việc bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và trực tiếp cho bên bị vi phạm, bên vi phạm còn phải chịu phạt nếu rơi vào trường hợp như quy định tại Điều 5 trên đây và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

*If this contract is terminated unilaterally by one of the parties following Item a) above and other articles in this contract, the Defaulting Party has to indemnify for all actual and direct damage for the other party and has to pay a penalty if falling into situation as stipulated in Article 5 above and other situations in accordance with applicable laws.*

**ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

***ARTICLE 8: DISPUTE RESOLUTION***

* 1. Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp Đồng này trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng giữa các bên. Nếu việc giải quyết không đạt được bằng thương lượng, hòa giải thì một trong các bên có quyền đưa tranh chấp ra Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) để giải quyết theo Quy tắc Tố tụng Trọng tài của Trung tâm này và bởi một trọng tài duy nhất được chỉ định theo Quy tắc này. Địa điểm diễn ra trọng tại tại Hà Nội, Việt Nam và việc xét xử trọng tài bằng tiếng Việt. Phán quyết của Trọng tài là chung thẩm và ràng buộc hai bên thực hiện.

*Any disputes, controversies or differences arising between the Parties relating to the implementation of the terms and conditions of this Contract shall be firstly settled by negotiation and conciliation between the Parties; In case two Parties cannot agree with each other, the dispute shall be brought to the Vietnam International Arbitration Center (VIAC) for settlement in accordance with its applicable arbitration rules and by a sole arbitrator appointed under this rule. The place of arbitration shall be in Hanoi, language of arbitration shall be Vietnamese. The decision of the Arbitration shall be final and binding upon the Parties*.

**ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

***ARTICLE 9: GENERAL TERMS***

9.1 Bất khả kháng

*Force Majeure*

(i) Nếu một trong các bên không thể thực thi được toàn bộ hay một phần nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này do Sự Kiện Bất Khả Kháng là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn ở các sự kiện như thiên tai, hoả hoạn, lũ lụt, động đất, tai nạn, thảm hoạ, hạn chế về dịch bệnh, nhiễm hạt nhân hoặc phóng xạ, chiến tranh, nội chiến, khởi nghĩa, đình công hoặc bạo loạn, can thiệp của Cơ quan Chính phủ, thì bên đó sẽ phải nhanh chóng thông báo cho bên kia bằng văn bản về việc không thực hiện được nghĩa vụ của mình do Sự Kiện Bất Khả Kháng, và sẽ, trong thời gian 15 ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, chuyển trực tiếp bằng thư bảo đảm cho bên kia các bằng chứng về việc xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng và khoảng thời gian xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng đó. Bên thông báo việc thực hiện Thoả thuận của họ trở nên không thể thực hiện được do Sự Kiện Bất Khả Kháng có trách nhiệm phải thực hiện mọi nỗ lực để hoặc giảm thiểu ảnh hưởng của Sự Kiện Bất Khả Kháng đó.

*If one of the parties is unable to enforce all or a part of its obligations under this Contract due to Force Majeure Event - is the event occurs objectively, can not foresee and could not overcome, despite taking all necessary methods that possibility allows, including but not limited to events such as natural disasters, fires, floods, earthquakes, accidents, disasters, service limited due to diseases, infectious or radioactive nuclear, war, civil disturbance, insurrection, riot or strike, intervention of government agency, then that party shall promptly notify the other party in writing about not perform its obligations due to Force majeure Event(s), and will, within 15 days since the occurrence date of Force Majeure Event, transfer directly by registered mail to the other Party evidence about the happening of Force Majeure Event and its timing. The Party who notified that implementation of their Contract becomes impossible due to Force Majeure Event must take responsibility to make all possible efforts to minimize the impact of the Force Majeure Event.*

(ii) Khi Sự Kiện Bất Khả Kháng xảy ra, cả hai bên sẽ ngay lập tức trao đổi ý kiến với nhau về việc thực hiện Hợp Đồng, và sẽ ngay lập tức phục hồi lại các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng khi chấm dứt Sự Kiện Bất Khả Kháng hoặc khi Sự Kiện Bất Khả Kháng đó bị loại bỏ.

*When Force Majeure Event occurs, both parties will immediately exchange opinions with each other on the implementation of the Contract, and will immediately restore his/her obligations under the Contract after the end of Force Majeure Event or the Force Majeure Event would not happen.*

(iii) Nếu sự kiện bất khả kháng xảy ra quá ba mươi (30) ngày thì Các Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng một thông báo văn bản trước bảy (07) ngày.

*If the Force Majeure occurs for a period longer than thirty (30) days, either Party has right to unilaterally terminate the Contract by sending a seven (7)-day prior written notice to the other Party.*

9.2 Hiệu lực và Số bản của Hợp đồng

*Effectiveness and the number of the copies of the Contract*

(a) Thời hạn Hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng cho đến khi hai bên hoàn thành mọi nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng.

*The Contract is effective from the signing date until both parties has fulfilled all of their obligations under this Contract.*

(b) Hợp đồng được làm thành bốn (04) bản gốc song ngữ Anh – Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản. Các bản Phụ lục, sửa đổi bổ sung là phần không thể tách rời của Hợp đồng, các bên có nghĩa vụ thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết trong các Phụ lục, sửa đổi bổ sung. Trường hợp có mâu thuẫn giữa tiếng Anh và tiếng Việt, tiếng Việt có quyền ưu tiên áp dụng.

*The Contract is made into four (04) copies both have the same legal value (02 in Vietnamese, 02 in English), each Party keeps two (02) copies. All the Annexes and Admendments are considered as parts of the Contract. Both Parties are responsible for implement all terms and conditions in the Annexes and Admendments. In case of any discrepancy between English and Vietnamese version, the Vietnamese version shall prevail.*

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN A**  ***PARTY A*** | **ĐẠI DIỆN BÊN B**  ***PARTY B*** |

**Phụ lục 01**

**Tính năng hệ thống phần mềm quản lý dịch vụ khuyến mại**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT**  ***No*** | **Mô tả tính năng**  ***Feature description*** | **Kết quả**  **(Đạt/Không đạt)**  ***Result***  ***(Pass/Fail)*** |
| 1 | Cho phép tải dữ liệu danh sách khách hàng nhận mã khuyến mãi lên hệ thống thông qua website.  *Allow upload coupon data to promotion system via website* |  |
| 2 | Tự động kiểm tra và thông báo cho người dùng các ngoại lệ khi đẩy dữ liệu lên hệ thống :   * Lặp mã khuyến mãi : Một khách hàng được nhận khuyến mại 1 lần trong một chiến dịch. * Dữ liệu đẩy lên không hợp lệ.   *Check and inform for user about exceptions while uploading coupon data to system :*   * *Duplicate coupon : A customer receive only 1 coupon per 1 campain.* * *Upload invalid data to system.* |  |
| 3 | Cho phép xuất dữ liệu khuyến mãi trên hệ thống qua file excel, phân quyền theo người dùng.  *Allow export coupon data on system to excel file via website, authorize on user.* |  |
| 4 | Gửi tin nhắn tới khách hàng khi mã khuyến mãi được tạo  *Send SMS to customer after generating coupon* |  |
| 5 | Cho phép kiểm tra mã khuyến mãi trên website, hiển thị trạng thái mã khuyến mãi cho người dùng :   * Không tồn tại. * Đã sử dụng. * Đã hết hạn.   *Allow check gift code, show status of promotion on website :*   * *Not exist.* * *Redeem.* * *Exprired.* |  |
| 6 | Cho phép xác thực việc sử dụng khuyến mãi qua OTP  *Allow authenticating coupon using by OTP*. |  |
| 7 | Nhắn tin tới người dùng khi mã khuyến mãi đã được sử dụng  *Send SMS to customer after using gift code* |  |
| 8 | Cho phép tạo tài khoản, phân quyền tài khoản cho đại lý.  *Allow creating, authorizing account for agency* |  |
| 9 | Tự động tạo mã khuyến mại theo cấu trúc cho trước khi người dùng tải dữ liệu qua web.  *Automatic generate gift code following rules after receiving data upload from user via website* |  |
| 10 | Tự động nhắc nhở người dùng (qua SMS) khi chuẩn bị hết hạn sử dụng mã khuyến mãi  *Automatic remind customer (by SMS) about exprire of promotion code.* |  |
| 11 | Website cho phép tùy chọn hiển thị 2 ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh  *Allow chosing display on website in English or Vietnamese* |  |